

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Ngày 21/8/2025

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản,
Tranh chấp đất đai theo quy định
của pháp luật về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Kim Thành

Ông Bùi Văn Mão

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp, Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân khu vực 1 - N.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - N tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/8 và 21/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2013/TLST-DS ngày 06/11/2023 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản và tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QDXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - N); thông báo về việc tiếp tục mở phiên tòa số 01/2025/TB-TA ngày ngày 04 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Viết C, sinh năm 1956; địa chỉ: tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xóm N, thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình).

Bị đơn: Ông Đoàn Viết V, sinh năm 1965; địa chỉ: tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xóm N, thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xóm N, thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình);

2. Bà Đoàn Thị A, sinh năm 1950; địa chỉ: số nhà 02, ngõ 2/27, đường T, phố P, phường H, tỉnh Ninh Bình (trước đây là số nhà 02, ngõ 2/27, đường T, phố P, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình), tỉnh Ninh Bình;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị H, bà Đoàn Thị A: là ông Đoàn Viết C, sinh năm 1956; địa chỉ: tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình.

3. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xóm N, thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình);

Tại phiên tòa: (ông C, bà An, bà Hòa có mặt; ông Vượng, bà Huệ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2023, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đoàn Viết C đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị H, Đoàn Thị A trình bày:*

Bố ông là cụ Đoàn Văn N, sinh năm 1916, chết năm 2005; mẹ ông là cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1920, chết năm 2017. Bố mẹ ông sinh được 05 người con gồm: Đoàn Thị H, Đoàn Thị A, Đoàn Viết V, Đoàn Thế H1 (liệt sỹ, không có vợ con), Đoàn Viết C. Bố mẹ ông không có con nuôi, con riêng, không có bố mẹ nuôi, bố mẹ đẻ của bố mẹ ông đều đã chết. Khi còn sống bố mẹ ông có thửa đất số 318 tờ bản đồ PL 06, bản đồ xã N lập năm 1998, diện tích 281m² đất ở nông thôn, địa chỉ thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (nay là tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình), đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 574133 ngày 05/10/2007. Ngoài ra mẹ ông còn được giao 634m² đất ruộng 313 tại xứ Cống Đồng (trong đó có 72m² là diện tích cấp cho người thờ cúng liệt sỹ H1). Bố ông không để lại di chúc tuy nhiên khoảng năm 2010 anh chị em ông tìm thấy tờ giấy có chữ viết của bố ông với nội dung chia thửa đất 318 cho ông và em trai Đoàn Viết V mỗi người ½ nên gia đình cũng nhất trí sau đó ông và ông V đã nhờ chính quyền địa phương xuống đo để mỗi người sử dụng ½ diện tích, đã xây tường ngăn, có lối đi riêng. Ông sử dụng 139m² vị trí phía Bắc giáp thửa 293, 294, phía Tây giáp đất chia cho ông Vư, phía đông giáp thửa 317, phía Nam giáp đường thôn, trên đất ông có xâ 01 căn nhà cấp 4 diện tích 60m² để phụng dưỡng mẹ và ông vẫn sinh sống đến nay. Ông V sử dụng 142m² phía Bắc giáp thửa 293m² phía Tây giáp đất nhà ông Xang, phía Đông giáp đất chia cho ông, phía Nam giáp đường thôn, trên đất ông V đã xây nhà 02 tầng khoảng 100m². Năm 2017, mẹ ông chết không để lại di chúc. Sau khi mẹ chết anh em ông họp bàn để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông và ông V và bàn bạc giải quyết đối với 634m² đất ruộng tại xứ Cống Đồng trong đó có 72m² thờ cúng liệt sỹ, khi mẹ ông còn sống bà là người thờ cúng liệt sỹ, khi mẹ chết ông là người tiếp quản việc thờ cúng nhưng ông V không hợp tác. Hiện nay toàn bộ diện tích đất 313 đang do vợ chồng ông V, bà Đinh Thị H canh tác. Anh

chị em ông nhiều lần đề nghị họp gia đình để giải quyết đất 313 đề nghị giao lại cho ông phần diện tích giao để thờ cúng liệt sỹ Hùng cho ông canh tác còn lại 562m² của mẹ thì chia đều cho 4 anh chị em nhưng vợ chồng ông V không nhất trí, có thái độ thiếu tôn trọng.

Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho tất cả anh em ông đề nghị Toà án chia thừa kế tài sản của bố mẹ ông gồm: Thừa đất số 318, tờ bản đồ PL06 bản đồ xã N lập năm 1998 diện tích 281m² đất ở nông thôn địa chỉ thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình và đất ruộng 313 tại xứ Cống Đồng, đề nghị Toà án chia đều cho 04 anh chị em ông.

Đề nghị Toà án buộc vợ chồng Đoàn Viết V và Đinh Thị H trả lại cho ông 72m² đất 313 là phần diện tích giao cho người thờ cúng liệt sỹ H1.

- Bị đơn ông Đoàn Viết V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H: ông V và bà H đã được toà án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đoàn Thị H, Đoàn Thị A tại phiên tòa nhất trí như nội dung ông C đã trình bày.

Tại phiên tòa nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà A, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - N có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật;

- Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà A, bà thực hiện theo đúng quy định.

- Bị đơn ông Đoàn Viết V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, không tham gia phiên họp tiếp cân và công khai chứng cứ là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 70, Điều 209 BLTTDS.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ Điều 26, 27 Luật đất đai 2024; Điều 117, 616, 623, 645, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 BLTTDS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Viết C về việc đòi lại quyền sử dụng đất là di sản dùng vào thờ cúng. Buộc vợ chồng ông Đoàn Viết V và bà Đinh Thị H trả lại cho ông Đoàn Viết C diện tích 72m² đất nông nghiệp 313 tại xứ đồng Cống Đồng, phường T, tỉnh Ninh Bình để sử dụng thờ cúng liệt sỹ Đoàn Thế H1.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng 218m² đất ở tại thửa 318, tờ bản đồ PL06, bản đồ địa chính xã N nay là tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Viết C về chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nông nghiệp 313 của ông Đoàn Văn N và bà Nguyễn Thị T. Xác định di sản thừa kế của cụ N và cụ T là 522m² đất nông nghiệp 313 trị giá 36.540.000 đồng tại xứ đồng Cồng Đồng, phường T, tỉnh Ninh Bình. Phân chia như sau:

- Ông Đoàn Viết C được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 130,5 m² đất 313 tại xứ đồng Cồng Đồng, xóm N, phường T, tỉnh Ninh Bình trị giá 9.135.000 đồng

- Bà Đoàn Thị A được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 130,5 m² đất 313 tại xứ đồng Cồng Đồng, xóm N, phường T, tỉnh Ninh Bình trị giá 9.135.000 đồng.

- Bà Đoàn Thị H được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 130,5 m² đất 313 tại xứ đồng Cồng Đồng, xóm N, phường T, tỉnh Ninh Bình trị giá 9.135.000 đồng

- Ông Đoàn Viết V được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 130,5 m² đất 313 tại xứ đồng Cồng Đồng, xóm N, phường T, tỉnh Ninh Bình trị giá 9.135.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí cho ông C, bà A, bà H.

- Ông Đoàn Viết V phải chịu án phí đối với kỷ phân thừa kế được hưởng là $(9.135.000 \times 5\%) = 456.750$ đồng.

- Ông Đoàn Viết V và bà Đinh Thị H phải chịu án phí đối với yêu cầu về tranh chấp đất đai là 300.000 đồng.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của bố mẹ ông gồm: Thửa đất số 318, tờ bản đồ PL06 bản đồ xã N lập năm 1998 diện tích 281m² đất ở nông thôn địa chỉ tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình và đất ruộng 313 tại xứ Cồng Đồng tổ dân phố N, phường T. Đề nghị Toà án buộc vợ chồng Đoàn Viết V và Đinh Thị H trả lại cho nguyên đơn 72m² đất 313 là phần diện tích giao cho người thờ cúng liệt sỹ H1 theo quy định của pháp luật do đó cần xác định đây là vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai*” theo khoản 5, khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - N theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với bị đơn ông Đoàn Viết V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đinh Thị H đã được toà án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. *Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế*: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của nguyên đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà A, bà H đều thừa nhận cụ Đoàn Văn N sinh năm 1916, chết ngày 22/9/2005; cụ Nguyễn Thị T sinh năm 1920, chết ngày 30/8/2017. Theo quy định của Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015, thời điểm mở thừa kế của cụ N là ngày 22/9/2005, thời điểm mở thừa kế của cụ T là ngày 30/8/20217. Ngày 01/11/2023 nguyên đơn có đơn khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế của cụ N và cụ T, căn cứ Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2.2]. *Về diện thừa kế*: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của nguyên đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà A, bà H đều thừa nhận cụ Đoàn Văn N và cụ Nguyễn Thị T là vợ chồng hợp pháp sinh được 05 người con gồm: bà Đoàn Thị A sinh năm 1950, ông Đoàn Viết C sinh năm 1956, bà Đoàn Thị H sinh năm 1960, ông Đoàn Viết V sinh năm 1965 và Đoàn Thế H1 (liệt sỹ, không có vợ con). Cụ N và cụ T không có con nuôi, con riêng, không có bố mẹ nuôi, bố mẹ của ông bà đều đã chết. Do đó, xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ N và cụ T gồm 4 người con là bà Đoàn Thị A, ông Đoàn Viết C, bà Đoàn Thị H và ông Đoàn Viết V.

[2.3]. *Về di sản thừa kế*:

- Đối với thửa đất số 318 tờ bản đồ PL 06, bản đồ xã N lập năm 1998, diện tích 281m² đất ở nông thôn, địa chỉ thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (nay là tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình), đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 574133 ngày 05/10/2007 mang tên cụ Đoàn Văn N và cụ Nguyễn Thị T. Tại Công văn số 2050/UBND-TNMT ngày 27/9/2024 của UBND huyện H và Công văn số 169/UBND-KTHTĐT ngày 05/8/2025 của UBND phường T đều xác định giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho cụ N và cụ T năm 2007 sau khi cụ Đoàn Văn N chết năm 2005 là cấp sai quy định pháp luật có căn cứ để hủy giấy chứng nhận QSDĐ.

Tuy nhiên, xét về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thửa 318 như sau:

Theo bản đồ địa chính các năm 1979, 1986, thửa đất có nguồn gốc từ thửa số 608, tờ bản đồ số 3, diện tích 510 m² (gồm 460 m² đất thổ cư và 50 m² đất thổ canh), chủ sử dụng gồm: Thước, Xe, Vũ, Sông.

Theo bản đồ địa chính năm 1998, thửa đất trên tách thành: Thửa số 319, tờ bản đồ PL6, diện tích 130 m², chủ sử dụng Đinh Thị Nả; Thửa 318, diện tích 450 m², chủ sử dụng: Đoàn N (281 m²), Đinh Thế Xang (169 m²).

Hiện trạng sử dụng đất: Gia đình bà Đinh Thị Nả và ông Đinh Thế Xang vẫn sử dụng ổn định theo ranh giới từ năm 1996. Phần diện tích 281 m² của cụ Đoàn N hiện do ông Đoàn Viết V và ông Đoàn Viết C quản lý, sử dụng.

Như vậy, mặc dù giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho cụ N và cụ T là không đúng quy định pháp luật, tuy nhiên căn cứ hồ sơ địa chính các thời kỳ và quá trình sử dụng thực tế ổn định, kéo dài, không có tranh chấp thì có cơ sở xác định thửa đất 318, tờ bản đồ PL 06 thuộc quyền sử dụng của cụ Đoàn Văn N và cụ Nguyễn Thị T. Xét thấy, hiện nay cụ N và cụ T đều đã chết, các đồng thừa kế có nguyện vọng chia thừa kế đối với thửa đất nêu trên nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho cụ N và cụ T mà yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào nội dung bản án để điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ cho các đương sự.

Đối với diện tích đất ở nêu trên, nguyên đơn ông Đoàn Viết C cung cấp 01 tờ bút tích của ông Đoàn Văn N ghi ngày 20/9/1990 có nội dung: giao lại cho 02 người con trai 05 gian nhà trong đó 01 gian mua của HTX năm 1976 thờ liệt sỹ H1, giao cho anh Đoàn Viết V 02 gian nhà, 01 gian thờ anh H1, còn 2 gian giao cho Đoàn Viết C thờ cúng bố mẹ, ông bà. Sau khi cụ N và cụ T chết, anh chị em trong gia đình đã tổ chức họp gia đình để phân chia. Cụ thể tại biên bản họp gia đình ngày 15/10/2017 thể hiện nội dung: anh em trong gia đình đều thừa nhận tờ bút tích ngày 20/9/1990 là do cụ N viết, đối với diện tích đất ở tại thửa 318, tờ bản đồ PL 06 diện tích 281m² anh chị em đều nhất trí thực hiện theo bút tích của bố để lại.

Xét thấy, tờ bút tích ngày 20/9/1990 tuy được các đồng thừa kế thừa nhận là do cụ Đoàn Văn N viết, tuy nhiên tờ bút tích không có chữ ký hay điểm chỉ của ông N, không có người làm chứng, không được chứng thực theo quy định tại Điều 13, 14 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 nên đây không được xem là di chúc hợp pháp của cụ Đoàn Văn N.

Đối với Biên bản họp gia đình ngày 15/10/2017 về hình thức: biên bản có sự tham gia đầy đủ của ông Đoàn Viết V, Đoàn Viết C, bà Đoàn Thị A, Đoàn Thị H, có sự chứng kiến của ông Bùi Văn K - trưởng xóm, ông Lê Xuân H - Mặt trận tổ quốc xóm và ngày 16/10/2017, UBND xã N đã chứng thực chữ ký các thành viên trong gia đình là đúng. Về nội dung: các đương sự thống nhất thỏa thuận phân chia thửa đất 318, tờ bản đồ PL06 của cụ Đoàn Văn N và cụ Nguyễn Thị T theo như bút tích ngày 20/9/1990 của cụ N. Nội dung các đồng thừa kế thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái các quy định của pháp luật. Do vậy, Biên bản họp gia đình ngày 15/10/2017, có nội dung và hình thức hợp pháp theo

quy định tại điểm h khoản 2 Điều 5 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Xét thấy, trên thực tế, từ năm 1998 khi bố mẹ còn sống gia đình ông V đã xây nhà trên ½ diện tích đất của cụ N, cụ T và đến năm 2010 khi cụ T còn sống ông C đã xây nhà trên ½ diện tích đất còn lại. Ông V và ông C xây dựng và sử dụng ổn định thửa đất nói trên, anh em trong gia đình không ai có ý kiến gì. Như vậy, Biên bản họp gia đình ngày 15/10/2017 hoàn toàn phù hợp với ý chí và nguyện vọng của các bên và đã được thực hiện trên thực tế do vậy biên bản này là hợp pháp.

Tại Án lệ số 24/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân có nội dung: *Nhà, đất là tài sản chung của vợ chồng mà một người chết trước. Người còn lại và các thừa kế của người chết trước đã thống nhất phân chia nhà, đất. Thỏa thuận phân chia không vi phạm quyền lợi của bất cứ thừa kế nào. Việc phân chia nhà, đất đã được thực hiện trên thực tế và đã được điều chỉnh trên sổ sách giấy tờ về đất đai. Sau khi người còn lại chết mới phát sinh tranh chấp. Trường hợp này, phải xác định nhà, đất đó đã chuyển thành quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của các cá nhân. Những người này chỉ có quyền khởi kiện đòi lại nhà, đất được chia đang bị người khác chiếm hữu, sử dụng bất hợp pháp mà không có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà, đất.*

Xét thấy, sau khi cụ N, cụ T chết, anh em trong gia đình đã thỏa thuận phân chia di sản là quyền sử dụng đất ở, thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quyền lợi của bên thừa kế nào, việc phân chia đã được thực hiện trên thực tế, các nội dung này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ 24/2018/AL. Vì vậy, theo quy định tại Điều 117 BLDS năm 2015 và Án lệ số 24/2018/AL, có đủ cơ sở xác định diện tích 281m² tại thửa đất 318, tờ bản đồ PL06 của cụ N, cụ T đã được thỏa thuận phân chia hợp pháp cho ông Đoàn Viết V và Đoàn Viết C nên không còn là di sản thừa kế của cụ N và cụ T. Do vậy, cần bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Viết C đối với yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 281m² đất ở tại thửa 318, tờ bản đồ PL 6 địa chỉ tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình.

- Về đất ruộng 313 tại xứ Cống Đồng - tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình: Căn cứ phương án chia ruộng năm 2015 của xóm N, thôn T và Công văn số 169/UBND-KTHTĐT của UBND phường T xác định cụ Nguyễn Thị T được giao đất ruộng 313 (1 khẩu) ban đầu là 577m², diện tích giao thêm là 72 m² để thờ cúng liệt sỹ. Tổng diện tích được sử dụng là 649m². Quá trình biến động sử dụng diện tích còn lại chia về khu Cống Đồng là 594m². Như vậy, trừ đi phần

diện tích đất thờ cúng liệt sỹ 72m² thì diện tích còn lại của cụ T là 522m² đất ruộng 313 được xác định là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T. Phần diện tích này nằm cùng mảnh ruộng của hộ bà Đinh Thị H (diện tích 365m²), tổng cộng diện tích đất 313 của cả hai hộ tại vị trí là 959m².

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/01/2024 và ngày 11/8/2025 cũng như thể hiện tại công văn trả lời số 169/UBND-KTHTĐT của UBND phường T. Diện tích ghi nhận trên sơ đồ là 1.041,3m² trong đó 959m² đất 313 của hai hộ (cụ T và bà H) phần còn lại là đất công ích (đất 5%) do UBND phường quản lý. Toàn bộ diện tích đất 313 do gia đình ông Đoàn Viết V quản lý sử dụng, gia đình đã chuyển mục đích một phần diện tích sang trồng cây lâu năm và xây dựng lán tạm để chứa nông cụ trên đất nông nghiệp.

Về giá trị đất ruộng 313 theo chứng thư thẩm định giá là 70.000^d/m². Do đó 522m² đất ruộng 313 của cụ T có giá trị là 522m² x 70.000^d = 36.540.000^d. Do toàn bộ diện tích đất 313 cụ T nằm cùng mảnh ruộng của hộ bà Đinh Thị H, để đảm bảo việc quản lý sử dụng đất 313; vì vậy:

** Đối với yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của nguyên đơn:*

Cụ Nguyễn Thị T được giao 72 m² đất 313 để thờ cúng liệt sỹ Đoàn Thế H1, ngày 30/8/2017 cụ T chết, ông Đoàn Viết C là người tiếp tục thờ cúng liệt sỹ Hùng. Tại Quyết định số 2045/QĐ-LĐTBXH - NCC ngày 22/5/2018 của Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh Ninh Bình, ông C là người được hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sỹ. Theo quy định tại điểm a khoản 6 điều 28 Nghị định 131/2021/NĐ-CP, quy định: "*Trường hợp liệt sỹ còn thân nhân thì người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sỹ là người được các thân nhân liệt sỹ ủy quyền bằng văn bản đảm nhiệm việc thờ cúng liệt sỹ và nhận trợ cấp theo quy định*". Vì vậy, việc ông C đòi ông Đoàn Viết V và bà Đinh Thị H trả lại 72m² được chia để thờ cúng liệt sỹ H1 là có cơ sở chấp nhận. Do đó, cần buộc ông Đoàn Viết V và bà Đinh Thị H trả lại diện tích 72m² đất 313 tại xứ đồng Cổng Đồng thuộc tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình cho ông Đoàn Viết C để sử dụng thờ cúng liệt sỹ Đoàn Thế H1; Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các cạnh là E-F: 2,50m; F-G: 26,66m; G-H: 2,97m; H-E: 26,60m; (có sơ đồ kèm theo)

** Về phân chia di sản thừa kế đối với đất ruộng 313 tại xứ Cổng Đồng:*

Di sản của cụ T là 522m² đất ruộng 313 có giá trị 36.540.000^d được chia thành 4 kỷ phần tương đương với 4 người thừa kế (gồm: ông C, ông V, bà A, bà H) mỗi kỷ phần có giá trị tương ứng là 36.540.000^d : 4 = 9.135.000^d.

Do các đương sự đều có nhu cầu canh tác đất ruộng nên chia bằng hiện vật mỗi người được chia 522m² : 4=130,5m², cụ thể như sau:

- Ông Đoàn Viết C được quyền sử dụng diện tích 130,5 m² đất 313 tại xứ đồng Cổng Đồng, tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình trị giá 9.135.000^d; Vị

trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các cạnh là D-E: 4,95m; E-H: 26,60m; H-I: 4,95m; I-D: 26,62m (có sơ đồ kèm theo)

- Bà Đoàn Thị A được quyền sử dụng diện tích 130,5 m² đất 313 tại xứ đồng Cổng Đồng, tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình trị giá 9.135.000^d; Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các cạnh là C-D: 4,95m; D-I: 26,62m; I-K: 4,95m; K-C: 26,64m (có sơ đồ kèm theo)

- Bà Đoàn Thị H được quyền sử dụng diện tích 130,5 m² đất 313 tại xứ đồng Cổng Đồng, tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình trị giá 9.135.000^d; Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các cạnh là B-C: 4,95m; C-K: 26,64m; K-L: 4,94m; L-B: 26,66m (có sơ đồ kèm theo)

- Ông Đoàn Viết V được quyền sử dụng diện tích 130,5 m² đất 313 tại xứ đồng Cổng Đồng, tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình trị giá 9.135.000^d; Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các cạnh là A-B: (3,88+1,06)m; B-L: 26,66m; L-M: 4,94m; M-A: (19,45+7,23)m (có sơ đồ kèm theo), trên diện tích đất 313 giao cho ông Đoàn Viết V, ông V đã san lấp bồi trúc chuyển mục đích sử dụng.

[3]. Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nguyên đơn ông C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và không đề nghị tòa án giải quyết; vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Đối với yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của nguyên đơn được tòa án chấp nhận nên ông V và bà H phải chịu án phí dân sự như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch.

- Đối với yêu cầu phân chia di sản thừa kế, mỗi đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được hưởng theo quy định là 9.135.000^d x 5% = 456.750^d (Bốn trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Ông C, bà A, bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 5, khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 117, 609, 611, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Các điều 26, 27, 37 Luật đất đai năm 2025. Án lệ số 24/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao. Đem đ khoản 1 Điều

12; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Tòa án; Xử:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Viết C đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền **sử dụng 281m²** đất ở tại thửa 318, tờ bản đồ PL06, bản đồ địa chính xã N nay là tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của ông Đoàn Viết C về việc đòi lại quyền sử dụng đất là di sản dùng vào thờ cúng. Buộc vợ chồng ông Đoàn Viết V và bà Đinh Thị H trả lại cho ông Đoàn Viết C diện tích 72m² đất nông nghiệp 313 tại xứ đồng Cổng Đồng, tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình để sử dụng thờ cúng liệt sỹ Đoàn Thế H1; Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các cạnh là E-F: 2,50m; F-G: 26,66m; G-H: 2,97m; H-E: 26,60m; (có sơ đồ kèm theo).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Viết C về chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nông nghiệp 313 của cụ Nguyễn Thị T.

3.1. Ông Đoàn Viết C được quyền sử dụng diện tích 130,5 m² đất 313 tại xứ đồng Cổng Đồng, xóm N, phường T, tỉnh Ninh Bình trị giá 9.135.000 đồng. Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các cạnh là D-E: 4,95m; E-H: 26,60m; H-I: 4,95m; I-D: 26,62m (có sơ đồ kèm theo).

- Bà Đoàn Thị A được quyền sử dụng diện tích 130,5 m² đất 313 tại xứ đồng Cổng Đồng, xóm N, phường T, tỉnh Ninh Bình trị giá 9.135.000 đồng. Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các cạnh là C-D: 4,95m; D-I: 26,62m; I-K: 4,95m; K-C: 26,64m (có sơ đồ kèm theo).

- Bà Đoàn Thị H được quyền sử dụng diện tích 130,5 m² đất 313 tại xứ đồng Cổng Đồng, xóm N, phường T, tỉnh Ninh Bình trị giá 9.135.000 đồng. Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các cạnh là B-C: 4,95m; C-K: 26,64m; K-L: 4,94m; L-B: 26,66m (có sơ đồ kèm theo).

- Ông Đoàn Viết V được quyền sử dụng diện tích 130,5 m² đất 313 tại xứ đồng Cổng Đồng, xóm N, phường T, tỉnh Ninh Bình trị giá 9.135.000 đồng. Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các cạnh là A-B: (3,88+1,06)m; B-L: 26,66m; L-M: 4,94m; M-A: (19,45+7,23)m (có sơ đồ kèm theo), trên diện tích đất 313 giao cho ông Đoàn Viết V, ông Vượng đã san lấp bồi đắp chuyển mục đích sử dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đoàn Viết V phải chịu 456.750 đồng (bốn trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

- Ông Đoàn Viết V và bà Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng.

- Miễn toàn bộ án phí cho ông Đoàn Viết C, bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Thị H.

3. Về quyền kháng cáo:

- Ông Đoàn Viết C, bà Đoàn Thị A, bà Đoàn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Đoàn Viết V và bà Đinh Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhân:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 1 - N;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình